

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-02-2018.

“V/v tranh chấp HNGĐ -
Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;
2. Ông Phạm Phước Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Võ Thị Bích T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T, anh H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2002 tại UBND xã Bình Hàng Trung. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc; từ 02 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H hay ghen tuông không có căn cứ. Trước đây, chị T đã nộp đơn ly hôn nhưng do sau đó rút đơn hi vọng anh H sẽ thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay, vợ chồng chị T, anh H đã sống ly thân. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 07/9/2002 và Nguyễn Tuyên Bảo N, sinh ngày 25/01/2010. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức H đã được triệu tập các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị Võ Thị Bích T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Đức H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Đức H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đức H.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, hội đồng xét xử nhận định: Chị T, anh H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2002 tại UBND xã Bình Hàng Trung, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Chị T cho rằng đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ hơn 02 năm nay. Lý do mâu thuẫn do anh H hay ghen tuông không có căn cứ. Chị T, anh H đã sống ly thân hơn 02 tháng nay, sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung chị T yêu cầu xin ly hôn với anh, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 07/9/2002 và Nguyễn Tuyên Bảo N, sinh ngày 25/01/2010. Hiện nay, 02 con

chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 14/12/2017 thì cháu Nguyễn Phúc Gia B và cháu Nguyễn Tuyên Bảo N có nguyện vọng được sống với cha, mẹ. Hiện nay, chị T là người trực tiếp nuôi 02 con chung và 02 chung đang đi học. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 07/9/2002 và Nguyễn Tuyên Bảo N, sinh ngày 25/01/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 16310 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Võ Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung:

Chị Võ Thị Bích T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 07/9/2002 và Nguyễn Tuyên Bảo N, sinh ngày 25/01/2010. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Võ Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 16310 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hữu Hà